

TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ NHÂN HỌC DU LỊCH TRÊN THẾ GIỚI VÀ Ở VIỆT NAM

TS. Nguyễn Thị Thanh Bình
Viện Dân tộc học
ThS. Phan Thị Ngân
Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

Tóm tắt: Du lịch không chỉ trở thành một ngành kinh tế ngày càng phát triển trong những thập niên gần đây mà còn là một phương thức sống của con người trong xã hội hiện đại. Là ngành khoa học về sự khác biệt văn hóa và tiếp biến văn hóa, từ lâu Nhân học đã chứng kiến sự phát triển du lịch và tác động của du lịch đến các cộng đồng, địa bàn nghiên cứu của mình nhưng sự hình thành mối quan tâm nghiên cứu và phân ngành Nhân học du lịch lại khá muộn và chưa thực sự lớn mạnh. Bài viết này tổng quan các nghiên cứu, hướng nghiên cứu chính của Nhân học du lịch trên thế giới và ở Việt Nam từ trước đến nay, từ đó đặt ra một số vấn đề cần được quan tâm, nghiên cứu trong thời gian tới.

Từ khóa: Nhân học, Nhân học du lịch, Nghiên cứu nhân học về du lịch.

Abstract: Tourism is becoming a rapidly growing economy as well as a modern lifestyle in recent decades. As an academic discipline of cultural difference and adaptation, Anthropology has witnessed the long history of tourism development and its impacts on ethnic minority groups. However, anthropology of tourism became a research interest and a branch of anthropology not long ago. This article overviews the researches on tourism anthropology in the world and Vietnam. It thereby shows the issues that need to be concerned and further researched in the future.

Keywords: Anthropology, anthropology of tourism, tourism anthropology.

Ngày nhận bài: 21/4/2020; ngày gửi phản biện: 1/5/2020; ngày duyệt đăng: 29/1/2021

Giới thiệu

Dù không được gọi bằng khái niệm “du lịch” nhưng các chuyến đi với mục đích du lịch đã xuất hiện từ thời Hy Lạp và La Mã cổ đại. Vào thế kỷ XVIII, tại Châu Âu xuất hiện phong trào tổ chức các chuyến “Grand Tour” cho giới thanh niên thượng lưu các nước Tây Âu, Bắc Âu tới các quốc gia khác nhằm trải nghiệm, khám phá và học hỏi văn hoá, nghệ thuật. Có thể nói, phong trào này là khởi nguồn của du lịch hiện đại. Du lịch thế giới tiếp tục được đẩy mạnh cùng với sự phát triển của các phương tiện vận tải. Cuối những năm 30 của

thế kỷ XX, ngành du lịch trên thế giới đã phát triển rất mạnh. Các tổ chức quốc tế và khu vực về du lịch và dịch vụ du lịch ra đời. Trên cơ sở Nghị quyết trù bị về thành lập Tổ chức Du lịch thế giới họp ngày 27/9/1970, Tổ chức Du lịch thế giới (UNWTO) đã chính thức được thành lập ngày 2/1/1975 thuộc Liên Hợp quốc, đánh dấu sự ra đời chính thức của ngành kinh tế này (Hải Nam, 2017).

Cũng từ những năm 1960, du lịch trở thành một lĩnh vực, chủ đề được quan tâm nghiên cứu. Với sự thành lập các hiệp hội như *Hiệp hội du lịch sinh thái quốc tế* (TIES), các hội nghị quốc tế về du lịch, các viện nghiên cứu về du lịch và đặc biệt các tạp chí du lịch như: *Annals of Tourism Research* (ATR), *Tourism Management*, *Tourism Recreation Research*, and *Progress in Tourism and Hospitality Research...* thì nghiên cứu về du lịch ngày càng được đẩy mạnh. Cho đến nay, có hàng ngàn công trình nghiên cứu lý luận và thực tiễn về du lịch trên thế giới được công bố. Theo thống kê của UNWTO, chỉ riêng nghiên cứu về du lịch bền vững, tính đến năm 1999, đã có trên 100 cuốn sách và 250 bài báo (công bố quốc tế). Đến nay, số lượng nghiên cứu đã tăng hơn rất nhiều (Phan Thảo Ly, 2018). Nếu như du lịch sinh thái được hình thành từ những năm 1980 thì du lịch cộng đồng được phát triển từ năm 1970 và đến nay cũng đã có hàng trăm xuất bản quốc tế có liên quan đến chủ đề này.

Nhân học du lịch là khoa học nghiên cứu về con người trong ngành công nghiệp du lịch, có đối tượng nghiên cứu là cộng đồng địa phương và khách du lịch. Với mối quan tâm sâu sắc tới biến đổi văn hóa (từ nhận thức đến hành vi) giữa chủ nhà (cộng đồng địa phương đón tiếp khách du lịch) và khách du lịch trong quá trình tham gia vào hoạt động du lịch, Nhân học du lịch có vai trò quan trọng trong việc xác định nguồn gốc của các mâu thuẫn, xung đột phát sinh từ hoạt động du lịch, từ đó góp phần cung cấp cơ sở khoa học cho việc xây dựng chiến lược phát triển du lịch bền vững, du lịch cộng đồng (Trần Anh Dũng, 2013). Tuy vậy, cho đến nay, Nhân học du lịch chưa thực sự được quan tâm nghiên cứu, giảng dạy đúng mức. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi tổng quan các nghiên cứu tiêu biểu của Nhân học du lịch hay nghiên cứu nhân học về du lịch mà nhóm tác giả tiếp cận được, qua đó đưa ra một số ý kiến về những vấn đề còn bỏ ngỏ, sự cần thiết phải đẩy mạnh hơn nữa việc nghiên cứu, giảng dạy Nhân học du lịch ở nước ta.

1. Nghiên cứu của Nhân học du lịch trên thế giới

Nhân học với tư cách là một khoa học về văn hóa, có đặc trưng nghiên cứu, diễn giải hiện tượng, sự vật ở các xã hội khác nhau, từ đó xác định những xu hướng chung phổ biến của xã hội loài người; với những phân tích sâu dựa trên nguồn tư liệu thu thập được bằng phương pháp điền dã dân tộc học dài ngày nên được xem là có mối quan hệ mật thiết với du lịch. Các nhà nhân học từ lâu đã chứng kiến sự hiện diện của các du khách, sự phát triển của du lịch và tác động của nó đến các cộng đồng họ nghiên cứu, tuy nhiên con đường hình thành của Nhân học du lịch không phải là suôn sẻ (Burn, 1999, tr. 67). Ngoại trừ nghiên cứu của Nunez (1963) miêu tả hoạt động du lịch cuối tuần tại một ngôi làng Mexico như một

cách tiếp cận mới của nhân học về tiếp biến văn hóa (sự tiếp xúc của cộng đồng nông thôn với thành thị thông qua hình thức du lịch cuối tuần của giới thị dân trung lưu mới nổi), mãi đến những năm 1970 mới có một số nhà nhân học quan tâm nghiên cứu du lịch. Giải thích cho sự bắt đầu chậm trễ này, Nash (1981) cho rằng: (i) Các nhà nhân học có xu hướng tự cho rằng mình là những nhà nghiên cứu điền dã gan dạ, dũng cảm nên không muốn bị dính líu gì với du khách; (ii) Theo các nhà nhân học, chủ đề này có thể tạo nên một lĩnh vực nghiên cứu phù phiếm về văn hóa mà họ muốn né tránh; (iii) Du lịch có thể được cho là một cái gì đó hiện đại, một phương thức sống chỉ gần đây mới có được sự công nhận của nhân học; (iv) Các nhà nhân học đơn giản có thể là không ý thức được mức độ và tác động của du lịch, đặc biệt là tại những xã hội mà họ có ý định tiến hành nghiên cứu.

Du lịch thực sự là một chủ đề thích đáng cho ngành nhân học. Bởi du lịch gắn liền với sự di chuyển, cho nên nó cũng gắn với sự tiếp xúc giữa các văn hóa, một lĩnh vực quan tâm của nhân học - ngành vốn đi tìm hiểu về sự tiếp biến văn hóa. Năm 1979, Erik Cohen một nhà xã hội học, nhân học đã công bố nghiên cứu về tác động của du lịch đến các tộc người vùng cao Thái Lan, mở đầu cho một loạt các nghiên cứu của ông về du lịch và các tộc người ở Thái Lan sau này (Cohen, 1988, 1989, 1993). Thập niên 1970 cũng xuất hiện nhiều công trình nghiên cứu nhân học về du lịch như: De Kadt (1979) “Tourism: Passport to development” (*Du lịch: giấy thông hành cho phát triển*); Farrell (Chủ biên, 1977) “The social and economic impact of tourism on Pacific communities” (*Tác động kinh tế và xã hội của du lịch đến các cộng đồng Thái Bình Dương*); Knox và Suggs (1979) “Tourism research priorities in Hawaii and the Pacific” (*Những ưu tiên trong nghiên cứu du lịch ở Hawaii và Thái Bình Dương*);... Các nghiên cứu ở thời kỳ này tập trung phân tích tác động của du lịch đến các cộng đồng khác nhau, trong đó nhấn mạnh nhiều đến tác động tiêu cực như việc người dân địa phương thực sự không được hưởng lợi nhiều về mặt kinh tế từ du lịch trong khi dẫn ra sự đứt gãy về mặt văn hóa, những ảnh hưởng xấu về mặt môi trường.

Có lẽ sự thiết lập của Nhân học du lịch được khẳng định rõ ràng hơn với công trình của Valene Smith (Chủ biên, 1977) “Hosts and guests: The anthropology of tourism” (*Chủ và khách: Nhân học về du lịch*). Đây được xem là công trình tiên phong của các nhà nhân học Mỹ đối với nghiên cứu du lịch. Cuốn sách cung cấp cơ sở lý thuyết ban đầu và 12 ví dụ nghiên cứu về tác động của du lịch ở nhiều nơi trên thế giới, qua đó giúp người đọc hiểu được bản chất của du lịch trong sự so sánh mang tính toàn cầu. Cho đến nay, cuốn sách này vẫn được coi là nghiên cứu kinh điển của Nhân học du lịch bởi vẫn chưa có một công trình nào nghiên cứu sâu và mang tính so sánh như tác phẩm này.

Sau này, ra đời một số công trình giới thiệu chung về phân ngành Nhân học du lịch như: Nash (1981) trong “Tourism as an Anthropological Subject” (*Du lịch như là một chủ đề của Nhân học*) đã nêu lên tầm quan trọng của việc nghiên cứu du lịch, khái niệm du lịch, du lịch trong xã hội loài người, nguyên nhân để con người đi du lịch và những hệ quả của du lịch mang lại cũng như xem xét và đưa ra các lý thuyết sơ khai về du lịch; “An Introduction

to Tourism and Anthropology” (*Đại cương về Du lịch và Nhân học*) của Peter Burns (1999) giới thiệu tới người đọc quá trình Nhân học quan tâm nghiên cứu du lịch và khách du lịch cũng như những ý tưởng chính, vấn đề chính trong Nhân học du lịch.

Một chủ đề lớn đối với các nghiên cứu Nhân học du lịch là cuộc tranh luận về tính chân thật và sự thị trường hóa trong du lịch. Nghiên cứu của Greenwood (1977) cho rằng, du lịch được xem là dẫn đến “sự thị trường hóa” những lĩnh vực đời sống của mỗi cộng đồng vốn trước khi được huy động vào du lịch đã nằm trong địa hạt của những quan hệ kinh tế vận hành dưới các tiêu chí của trao đổi thị trường. Văn hóa địa phương, cụ thể là trang phục, lễ nghi, nghệ thuật dân gian, trở thành dịch vụ và hàng hóa có tính du lịch khi được trình diễn. Greenwood cho rằng, văn hóa địa phương bị biến đổi, bị tàn phá để thu hút khách du lịch và trở nên vô nghĩa đối với những ai vốn đã từng tin tưởng nó. Trước đó, MacCannell (1973) cũng cho rằng, quá trình thị trường hóa tàn phá tính chân thật của sản phẩm văn hóa và mối quan hệ của con người, thay vào đó là một thứ “chân thật được dàn dựng”, “bảo tàng hóa” cho du khách xem. Sự thị trường hóa đó làm phá vỡ ý nghĩa của các sản phẩm văn hóa dành cho người dân địa phương và cả các sản phẩm dành cho du khách. Vì vậy, du lịch càng khởi sắc thì càng bị cáo buộc trở thành một sự dối trá to lớn.

Trái với quan điểm mang tính cực đoan trên, Erik Cohen (1988) cho rằng, tính chân thật được nhận thức như là một khái niệm có thể thỏa thuận chứ không phải là một khái niệm tự có. Sự cứng nhắc trong định nghĩa của từ này tùy thuộc vào thể loại trải nghiệm mà du khách muốn có. Sự phát triển văn hóa mới cũng có thể có được những lớp vỏ chùng xếp của tính chân thật theo thời gian - một quá trình được xem như là “tính chân thật được hiện lên”. Tác giả cho rằng thị trường hóa không nhất thiết tàn phá ý nghĩa của các sản phẩm văn hóa, cả đối với người dân địa phương và du khách, mặc dù nó có thể biến đổi hay là thêm vào những ý nghĩa mới. Các sản phẩm hướng đến du khách thường mang những ý nghĩa mới mẻ đối với người dân địa phương khi chúng trở thành dấu ấn năng động của bản sắc văn hóa dân tộc của họ, một động cơ của sự tự trình diễn với công chúng bên ngoài. Theo Cohen, du lịch đại chúng thành công không phải vì nó là sự lừa dối tài tình mà bởi khách du lịch có khuynh hướng chấp nhận tính linh hoạt, uyển chuyển của văn hóa, khác với cái nhìn văn hóa ở trạng thái tĩnh, bất biến của các nhà bảo tàng học. Du lịch có thể trở thành một phương tiện mạnh mẽ của sự tự thể hiện và người dân địa phương có thể lựa chọn một cách chủ ý tái tạo chính mình theo cách họ muốn người ngoài nên được nhìn và cảm nhận về họ ra sao.

Tổng quan các nghiên cứu Nhân học du lịch ở các thập niên trước đây, Stronza (2001) cho rằng, các nghiên cứu của ngành thường chia làm hai chủ đề: một là tìm hiểu nguồn gốc của du lịch, hai là xem xét tác động của du lịch. Tuy nhiên, ngay cả khi kết hợp cùng nhau, hai tiếp cận này dường như chỉ cho chúng ta một phân tích không hoàn chỉnh về du lịch. Bởi hầu hết các nghiên cứu hướng đến việc tìm hiểu nguồn gốc của du lịch thường có xu hướng tập trung vào du khách trong khi đa số các nghiên cứu quan tâm đến tác động của du lịch lại

tập trung vào người địa phương. Ngoài ra, Nhân học du lịch chủ yếu quan tâm đến tác động của du lịch đến cộng đồng địa phương mà bỏ qua tác động của du lịch lên chính du khách. Câu hỏi du khách bị tác động như thế nào bởi những gì họ thấy, họ làm và trải nghiệm trong suốt cuộc hành trình vẫn là vấn đề bỏ ngỏ. Hơn nữa, Stronza còn cho rằng, trong các nghiên cứu nhân học về nguồn gốc du lịch (động lực thúc đẩy du khách du lịch) nhiều học giả đã khẳng định được một số lý thuyết có tính khái quát. Chẳng hạn, MacCannell (1976) quan niệm du lịch như một “nghỉ lễ hiện đại”, một mô hình cho cuộc sống ở tất cả các xã hội phức hợp hiện đại nơi việc tìm kiếm tính chân thật của văn hóa các tộc người nguyên thủy là động lực chính dẫn tới các chuyến đi; Graburn (1989) lại xem du lịch như một quá trình nghỉ lễ phản ánh các giá trị sâu sắc của xã hội về sức khỏe, sự tự do, tự nhiên và sự tự cải tiến. Du lịch có vai trò quan trọng trong xây dựng và duy trì một nhận thức tập thể, có thể tăng cường kết nối của con người trong xã hội rộng lớn. Nash (1989) định nghĩa du lịch như một dạng của chủ nghĩa đế quốc. Khách du lịch ngày nay cũng giống như các thương nhân, nhà thực dân hay nhà truyền giáo trước đây, là những đối tượng tiếp xúc với các văn hóa và trực tiếp hay gián tiếp gây ra những thay đổi ở những khu vực chưa phát triển của thế giới. Tuy nhiên, hầu như không có dữ liệu thực chứng nào đã được phân tích để hỗ trợ hay là phản bác các lý thuyết ấy. Ngược lại, khi tìm hiểu tác động của du lịch, các nhà nghiên cứu lại dựa vào dữ liệu nhiều hơn là vào lý thuyết. Nhân học du lịch chưa phát triển được các mô hình, khung phân tích về tác động của du lịch đối với cộng đồng địa phương.

Sau những nỗ lực ban đầu ở các thập niên 1970 và 1980, với việc phân chia các loại hình du lịch, khách du lịch, xem du lịch như là một quá trình năng động, hiểu được tác động văn hóa - xã hội của nó và xem xét hình ảnh du lịch về nơi chốn, con người..., từ những năm 1990, các học giả trong ngành quan tâm nhiều hơn đến mối quan hệ giữa nhà nước và công dân trong kiến tạo và chuyển đổi bản sắc tộc người. Lý do chính là bởi du lịch đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra và giới thiệu các hình ảnh văn hóa về quốc gia - dân tộc, các cộng đồng địa phương và các di sản. Một số nghiên cứu khẳng định nhà nước can thiệp trực tiếp tới sự hình thành các “làng văn hóa”, “bảo tàng sống” (Hitchcock và cộng sự, 1997) hay tạo ra các “tộc người thiểu số”, “bộ tộc”, “văn hóa vùng” trong quá trình đưa ra định nghĩa, xác định thành phần đối với các cư dân của mình. Điều này có thể tạo ra phản ứng của những đối tượng được xác định, những thảo luận về bản sắc quốc gia, tộc người và du lịch trở thành một lĩnh vực quan trọng mà ở đó các tranh luận được đưa ra (Wood, 1997; Adam, 2006).

Ngược lại với các nghiên cứu trên, một số nghiên cứu về du lịch tộc người lại nhấn mạnh vào sự tham gia chủ động của người dân địa phương trong quá trình phát triển du lịch. Schein (2000) và Oakes (1998) tìm hiểu sự tham gia của các tộc người thiểu số ở Trung Quốc và nỗ lực khẳng định cảnh quan du lịch tộc người của mình. Oakes (2006) giải thích rằng giai đoạn đầu ở các làng du lịch khi người dân “trình diễn tính chân thật” bằng cách tách rời các hoạt động thường ngày với những gì trình diễn cho du khách, sớm được thay thế bằng “du lịch hóa” hay một dạng mới của bản sắc khi đời sống thường ngày của họ trở nên

không thể tách rời với những gì họ giới thiệu. Kathleen Adams (1997) cũng cho rằng, du lịch tộc người không nhất thiết dẫn tới mất hết ý nghĩa hay tính chủ thể của người Tana Toraja ở vùng cao Sulawesi, Indonesia, bởi người dân đã diễn giải và trình diễn “truyền thống” một cách có chiến lược để củng cố vị thế của nhóm tộc người mình. Trên cơ sở đó, Stronza (2001) đã kêu gọi các nhà nhân học hãy “xoay cái nhìn” (turn back the gaze) bằng cách từ bỏ giả thiết du lịch luôn mang lại áp đặt lên những người không có quyền lực và bị động. Thay vào đó, các phân tích cần tính đến khả năng người dân địa phương có thể đóng vai trò chủ động, quyết định những gì diễn ra trong quá trình họ tương tác với khách du lịch, xác định lại họ là ai, những yếu tố nào trong bản sắc tộc người mà họ muốn thay đổi, nhấn mạnh hay che bớt đi để hấp dẫn du khách.

Tổng luận về nhân học và du lịch ở Đông Nam Á, Victor King cũng cho rằng, thay vì xem tác động xã hội của du lịch lên văn hóa địa phương là “đứt gãy”, “tiêu cực” hay “phải chăng” và “tích cực”, các nhà nghiên cứu gần đây đã vượt qua khung phân tích theo nguyên tắc “tiêu chuẩn” này để quan niệm “văn hóa” và “truyền thống” trong thuật ngữ tượng trưng như một “thực thể lai tạo”, “được kiến tạo”, “kiến tạo lại”, “sáng tạo” và “được tiêu thụ”, và chủ nhà trở thành “những chiến lược gia về văn hóa”. Ngoài vấn đề tính chủ thể của người dân địa phương, theo tác giả, các thảo luận về bản chất của văn hóa và bản sắc tộc người dưới tác động của toàn cầu hóa và hiện đại hóa cũng đã được nhiều nhà nghiên cứu đặt ra (2008, tr. 50).

2. Các nghiên cứu ở Việt Nam

Ở nước ta, ngành Du lịch ra đời từ năm 1960, nhưng phải từ khi đất nước mở cửa và hội nhập, hoạt động du lịch mới bắt đầu vận hành rõ nét. Kể từ thập niên 1990 đến nay đã có rất nhiều công trình, đề tài nghiên cứu của các ngành du lịch, kinh tế, văn hóa học về phát triển du lịch, đào tạo nguồn nhân lực du lịch hay khai thác các giá trị văn hóa - lịch sử cho phát triển du lịch trên cả nước và ở cả từng vùng, từng địa phương. Tuy nhiên, nghiên cứu về du lịch của Nhân học vẫn còn rất khiêm tốn.

Mặc dù biến đổi kinh tế, văn hóa - xã hội ở các tộc người thiểu số (TNTS) là một chủ đề lớn của ngành nhưng khi nghiên cứu, các nhà nhân học/dân tộc học Việt Nam mới chỉ đề cập, xem xét tiềm năng của một số thành tố văn hóa hay các giá trị văn hóa tộc người đối với phát triển du lịch (Trần Thị Mai Lan, 2011; Trần Hữu Sơn, 2015). Về tác động của du lịch tới các TNTS, mới có vài bài viết nhỏ của một số nhà nghiên cứu lâu năm bàn luận về ảnh hưởng của du lịch tới thiết chế xã hội truyền thống của người Hmông (Trần Hữu Sơn, 2006) hay du lịch và bảo tồn văn hóa dân tộc (Trần Hồng Liên, 2014). Về phát triển mô hình du lịch sinh thái dựa trên cộng đồng, đã có một nghiên cứu theo tiếp cận địa lý và liên ngành được thực hiện tại huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La (Phạm Thị Cẩm Vân, 2019). Gần đây, du lịch cộng đồng ở các TNTS bắt đầu được quan tâm nên xuất hiện một số bài tạp chí bàn luận về mô hình phát triển ở một số địa phương (Nguyễn Công Thảo, 2019; 2020).

Trong thực tế, chỉ có một số nghiên cứu nhân học chuyên sâu về du lịch được thực hiện bởi các đề tài luận án tiến sĩ trong và ngoài nước. Đầu tiên phải kể đến nghiên cứu của Dương Bích Hạnh (2006) về trải nghiệm của các cô gái Hmông khi rời làng bản tới thị trấn Sa Pa bán hàng thổ cẩm, làm hướng dẫn viên du lịch. Tác giả đã tìm hiểu về trải nghiệm của các cô gái khi tham gia những hoạt động du lịch và tác động của các trải nghiệm đó tới đời sống của họ. Kết quả cho thấy, tuy thu nhập của các cô gái đóng góp cho kinh tế hộ gia đình không đáng kể, song hành trình từ thế giới xã hội làng bản “truyền thống” ra thị trấn du lịch “hiện đại” đã tác động mạnh mẽ đến lối sống, nhận thức của các cô gái nơi đây. Lần đầu tiên các cô gái Hmông có tiếng nói hơn trong quyết định hôn nhân của họ. Sau kết hôn, nhiều cô tiếp tục công việc ở thị trấn, còn người chồng ở nhà làm ruộng và việc nhà - một sự thay đổi lớn trong phân công giới và cấu trúc xã hội của người Hmông. Hơn nữa, để tồn tại trong môi trường mới, các cô gái phải tự tạo dựng và thương lượng cho mình một bản sắc văn hóa mới với sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại. Trong quá trình đó, họ trở thành những người trung gian giữa thế giới hạn hẹp của làng bản truyền thống và thế giới rộng lớn bên ngoài qua tiếp xúc với du khách.

Nghiên cứu thứ hai là của Allan (2011) về hai bản du lịch của thị trấn Mai Châu, Hòa Bình - một địa danh du lịch văn hóa gắn với dân tộc Thái ở nước ta. Công trình này miêu tả đời sống của người Thái ở các bản du lịch Mai Châu với việc xem xét toàn diện về lịch sử phát triển du lịch, đời sống sinh kế, quan hệ xã hội của người dân địa phương trong cộng đồng cũng như hiểu biết và quan hệ của họ với khách du lịch. Với cách tiếp cận từ cái nhìn của người trong cuộc, nghiên cứu cho rằng du lịch chỉ là một trong nhiều hoạt động kinh tế, văn hóa - xã hội của cộng đồng địa phương. Người dân nơi đây có chiến lược tham gia vào các hoạt động du lịch khác nhau để cải thiện sinh kế, củng cố cộng đồng và khẳng định bản sắc văn hóa tộc người của họ. Họ đã tham gia vào phát triển du lịch một cách chủ động và thể hiện tính chủ thể qua thương lượng với chính quyền địa phương, các lực lượng bên ngoài và với chính khách du lịch trong thực hành du lịch.

Cũng ở địa bàn Mai Châu, Achariya Choowongler (2015) đã nghiên cứu về quá trình người Thái nơi đây sử dụng văn hóa địa phương thành dịch vụ du lịch trong bối cảnh thị trường du lịch toàn cầu. Tác giả cho rằng thay vì đối phó và thương lượng với các lực lượng toàn cầu, người Thái Mai Châu đã chủ động khai thác du lịch bằng cách chuyển đổi vốn văn hóa, xã hội của họ thành vốn kinh tế. Họ đã thị trường hóa lòng hiếu khách và tái cấu trúc bản sắc của mình từ nông dân thành thương nhân. Sự phát triển của thị trường du lịch đã giúp người dân tận dụng các phong tục, tập quán, đạo đức, phát triển thành các chiến lược sống cùng du lịch. Tương tác giữa chủ và khách qua truyền thống hiếu khách đã bị lai tạo khiến cho biên giới giữa bản chất tộc người và các ý tưởng hiện đại dần bị lu mờ đi.

Ngoài các tác giả trên, có thể xem Trương Thị Thu Hằng là nhà nhân học Việt Nam gần đây tiên phong trong giảng dạy và nghiên cứu Nhân học du lịch. Nghiên cứu tiêu biểu của cô (2012) về mối tương quan giữa thực hành tôn giáo và sự tham gia vào hoạt động du

lịch của người dân tại Nhà thờ Lớn ở đảo Long Sơn, thành phố Vũng Tàu cho thấy vượt qua những thảo luận đơn thuần về tác động tích cực, tiêu cực của du lịch hay những vấn đề về bản sắc, tính chân thật của sản phẩm văn hóa địa phương. Đối với người dân đảo Long Sơn, du lịch được xem như là một phương cách để thực hành tôn giáo, và sự tham gia trong các hoạt động du lịch đối với người dân mang khía cạnh nghi lễ và ý nghĩa tôn giáo nhiều hơn là phương diện lợi ích vật chất. Nghiên cứu cho thấy, du lịch sẽ có thể được hiểu một cách đầy đủ hơn thông qua cách tiếp cận diễn dịch về ý nghĩa của sự tham gia của cộng đồng địa phương trong chính bối cảnh văn hóa của chính họ.

3. Một số vấn đề đặt ra

Nhân học và du lịch là sự kết hợp thích đáng bởi du lịch đã trở thành hoạt động mang tính toàn cầu, bao trùm các nền văn hóa khác nhau và như vậy tự nó là một đối tượng nghiên cứu có thể mạnh của nhân học. Tuy nhiên, du lịch là một chủ đề ứng dụng - một ngành công nghiệp lớn tác động đến đời sống tộc người ở khắp nơi, nó liên quan đến những con người và tình huống cụ thể, do đó nhân học cũng như các ngành khoa học xã hội khác cần phải trở nên năng động hơn để đáp ứng được nhu cầu của du lịch.

Từ thập niên 1970, các nhà nhân học bắt đầu quan tâm nghiên cứu đến du lịch. Mặc dù phạm vi và địa bàn nghiên cứu về chủ đề này cho đến nay còn khiêm tốn, nhưng nhân học đã có đóng góp đáng kể cho việc rút ra những vấn đề quan trọng về mặt khái niệm để hiểu du lịch như là một hiện tượng văn hóa và xã hội. Đó là những vấn đề như: cần so sánh một cách hệ thống (cả bên trong và bên ngoài một văn hóa, một quốc gia); du lịch là một quá trình chứ không đơn thuần là một sự kiện; trình diễn và tính chân thật; vai trò chiến lược của người dân địa phương, tính chủ thể, quan điểm của người dân về du lịch, ý nghĩa của du lịch đối với họ; du lịch gắn với các quá trình biến đổi rộng lớn hơn; vai trò của nhà nước, người dân và các lực lượng tham gia vào du lịch trong việc kiến tạo bản sắc tộc người và khai thác các nguồn lực cho phát triển. Trong các vấn đề, sự hình thành, chuyển đổi và mâu thuẫn về bản sắc văn hóa và tộc người chắc chắn sẽ tiếp tục là mối quan tâm lớn của nhân học, đặc biệt là nhân học ở Đông Nam Á, bởi du lịch đóng vai trò quan trọng trong việc “tưởng tượng” và “sáng tạo lại” văn hóa quốc gia và tộc người ở châu Á (Sofield, 2001, tr. 67).

Ở giai đoạn đầu, các nghiên cứu Nhân học du lịch chỉ tập trung phản ánh được một phần của bức tranh về du lịch - nguồn gốc du lịch và tác động của nó đến cộng đồng địa phương, điều này trái ngược với nguyên tắc cơ bản của ngành là hướng tới tiếp cận toàn diện về văn hóa, xã hội tộc người. Đây là lúc nhân học nên phát huy điểm mạnh của mình là nghiên cứu so sánh và toàn diện để đưa những vấn đề của địa phương và toàn cầu gắn lại với nhau bằng cách kết nối các khía cạnh kinh tế, chính trị, tôn giáo, môi trường, văn hóa, xã hội. Chủ đề mối quan hệ giữa chủ và khách được hình thành và thay đổi như thế nào qua thời gian, hay tác động của du lịch và các loại hình du lịch vẫn là những chủ đề quan trọng của ngành, tuy nhiên nhân học có thể làm được nhiều hơn nữa bằng việc xem xét các vấn đề này

theo các lý thuyết mới. Tiếng nói, quan điểm của người dân địa phương, đặc biệt là các TNTS vẫn còn thiếu vắng, do vậy có ý kiến cho rằng nhân học cần phát triển các khung phân tích giúp tìm hiểu các điều kiện mà ở đó người dân địa phương trải nghiệm du lịch (Stronza, 2001). Các khung lý thuyết đó không chỉ giúp ích cho nghiên cứu cộng đồng địa phương mà còn để nghiên cứu khách du lịch, những người vận hành dịch vụ du lịch trong tổng thể hệ thống du lịch (Burn, 2014, tr.13). Lỗ hổng này nên được khóa lấp bằng cách nêu ra các câu hỏi mới trong các nghiên cứu Nhân học du lịch khi xem xét đóng góp xã hội, kinh tế và môi trường của các loại hình du lịch hiện đại ngày nay.

Mặc dù nghiên cứu về du lịch đã được công nhận như một đối tượng của nhân học nhưng vẫn còn nhiều việc cần phải làm để đưa chủ đề này vào mạch chính của nhân học với đúng tinh thần của ngành là nghiên cứu so sánh văn hóa trong các bối cảnh khác nhau. Các nghiên cứu nhân học về du lịch ở Việt Nam dù ít ỏi nhưng đã cho thấy những phát hiện quan trọng khi các khái niệm, tiếp cận của ngành được áp dụng vào bối cảnh văn hóa khác. Chẳng hạn, qua xem xét biến đổi cấu trúc xã hội, bản sắc của cộng đồng người Hmông ở Sa Pa dưới tác động của du lịch trong so sánh với các tài liệu về người Hmông ở Nam Trung Quốc và Đông Nam Á, Dương Bích Hạnh cho thấy người Hmông ở Việt Nam là một phần của cộng đồng người Hmông xuyên quốc gia nhưng họ cũng khác biệt với người đồng tộc ở các nước (2006, tr. 21). Nghiên cứu của Trương Thị Thu Hằng cũng chứng minh rằng, ở những địa phương như đảo Long Sơn, quan niệm và sự tham gia vào du lịch của người dân mang một ý nghĩa hoàn toàn khác với mục đích kinh tế, hàng hóa đơn thuần như ở nhiều nơi trên thế giới.

Do Nhân học du lịch trên thế giới chưa thực sự phát triển mạnh mẽ nên ở Việt Nam phân ngành này cũng mới bắt đầu được hình thành với việc đưa môn học vào giảng dạy tại Khoa Nhân học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Tại các cơ sở đào tạo khác về nhân học cũng như các khoa du lịch của các trường cao đẳng và đại học ở nước ta, môn học này vẫn chưa được đưa vào giảng dạy. Điều này đặt ra yêu cầu cần có sự thúc đẩy hơn nữa các nghiên cứu du lịch từ tiếp cận nhân học và triển khai giảng dạy môn Nhân học du lịch một cách rộng rãi.

Tài liệu tham khảo

1. Adams, K. M. (2006), *Art as Politics: Re-crafting Identities, Tourism, and Power in Tana Toraja, Indonesia*, University of Hawaii Press, Honolulu.
2. Adams, K. M. (1997), Ethnic Tourism and the Renegotiation of Tradition in Tana Toraja (Sulawesi, Indonesia), *Ethnology*, 36, 4, 309-320.
3. Allan, Malita (2011), “Living in a Tourism Village: Strategies, Negotiations and Transformations among Upland Tai in Northern Vietnam”, *PhD Dissertation*, La Trobe University.

4. Burns, G. L. (2004), Anthropology and tourism: Past contributions and future theoretical challenges, *Anthropological Forum*, trên trang: <https://www.researchgate.net/publication/29456605>
5. Burns, Peter (1999), *An Introduction to Tourism and Anthropology*, Routledge: London and New York.
6. Choowongler, Achariya (2015), “Commodification of Hospitality: The Localized Process of Constructing Ethnic Tourist Market and Identity in Mai Chau, Northwest Upland of Vietnam”, trong: Việt Nam học - Kỷ yếu hội thảo quốc tế lần thứ 4: *Việt Nam trên đường hội nhập và phát triển bền vững*, tập 3. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Cohen, E. (1979), The impact of tourism on the hill-tribes of northern Thailand, *Internationale Assien forum* 10: 5-38.
8. Cohen, E. (1988), “Authenticity and Commoditization in Tourism”, *Annals of Tourism Research*, 15, 3, 371-386.
9. Cohen, E. (1989), “Primitive and remote: Hill tribe trekking in Thailand”, *Annals of Tourism Research*, Vol. 16, Issue 1: 30-6
10. Cohen, E. (1993), “The study of touristic image of native people: Mitigating the stereotype of a stereotype”, in: *Tourism Research*, eds. Pearce D. G. and Butler B. W., 36-69, London: Routledge.
11. De Kadt, E. (ed.), (1979) *Tourism: Passport to development*, Oxford: Oxford University Press.
12. Trần Anh Dũng (2013), “Xu hướng phát triển Nhân học du lịch trong bối cảnh hiện nay” trong Kỷ yếu Tọa đàm khoa học: *Nhân học trong bối cảnh toàn cầu hóa*, tổ chức ngày 26/4/2013 tại Trường ĐHKHXH&NV, Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh.
13. Duong Bich Hanh (2006), “The Hmong Girls of Sapa: Local Places, Global Trajectories, Hybrid Identities”, *PhD Dissertation*, University of Washington.
14. Farrell, B. (Ed., 1977), *The social and economic impact of tourism on Pacific communities*, Center for South Pacific Studies, University of California, Santa Cruz.
15. Finney, B., and K. WATSON (1975), *A new kind of sugar: Tourism in the Pacific*, Honolulu: East-West Culture Learning Institute.
16. Graburn N. (1989), “Tourism: the sacred journey”, in: *Hosts and Guests. The Anthropology of Tourism*, VL Smith (Ed.), 2nd Edition. Philadelphia: University of Pennsylvania Press, 21–36.

17. Greenwood, D. J. (1989), “Culture by the Pound: An Anthropological Perspective on Tourism as Cultural Commoditization”, in: *Hosts and Guests. The Anthropology of Tourism*, VL Smith (Ed.), 2nd Edition, University of Pennsylvania Press, Philadelphia, 171-185.
18. Trương Thị Thu Hằng (2012), “Tôn giáo và du lịch tại đảo Long Sơn, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu”, *Tạp chí Khoa học Xã hội*, số 6 (166), tr. 58-69.
19. Hitchcock, M., King, V. T & Parnwell, M. (Eds.,1993), *Tourism in South-East Asia*, Routledge, London.
20. Hitchcock, M., Stanley, N. & Chung, S.K. (1997), “The South-East Asian Living Museum and its Antecedents”, in: *Tourists and Tourism: Identifying with People and Places*, S. Abram, J. Waldren & D.V.L Macleod (Eds.), Berg, Oxford, 197-222.
21. King, Victor (2008), “Anthropology and Tourism in Southeast Asia: Comparative Studies, Cultural Differentiation and Agency”, in: *Tourism in Southeast Asia Challenges and New Directions*, Edited by Michael Hitchcock, Victor T. King and Michael Parnwell. Denmark: NIAS Press.
22. Knox, J. and C. Suggs (1979), *Tourism research priorities in Hawaii and the Pacific*, Honolulu: University of Hawaii-Manoa.
23. MacCannell, D. (1973), “Staged Authenticity: Arrangements of Social Space in Tourist Settings”, *American Journal of Sociology*, 79, 3, 589-603.
24. MacCannell, D. (1976), *The Tourist: A New Theory of the Leisure Class*, Schocken Books, New York.
25. Trần Thị Mai Lan (2011), Nghề dệt thủ công của người Thái Trắng ở Mai Châu, Hòa Bình trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam, *Luận án Tiến sĩ Nhân học*, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
26. Trần Hồng Liên (2014), “Du lịch và việc bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc”, trong: *Nhân học và cuộc sống: Tập chuyên khảo số 01*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
27. Phan Thảo Ly (2018), Nghiên cứu phát triển du lịch tỉnh Bạc Liêu theo định hướng bền vững, *Luận án Tiến sĩ Việt Nam học*, Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội.
28. Hải Nam (2017), Con người đi du lịch từ khi nào? *Tạp chí Du lịch*, ngày 8/3/2017. Truy cập tại: <http://www.vtr.org.vn/con-nguoi-di-du-lich-tu-khi-nao.html>.
29. Nash, D. (1981), “Tourism as an Anthropological Subject”, *Current Anthropology*, 22, 5, 461-468.

30. Nash, D. (1989), “Tourism as a Form of Imperialism”, in: *Hosts and Guests. The Anthropology of Tourism*, VL Smith (Ed.), 2nd Edition. Philadelphia: University of Pennsylvania Press.
31. Nunez T.A. (1963), “Tourism, tradition, and accul-uration: weekendismo in a Mexican village”, *Ethnology*, No 2, pp. 347-52.
32. Oakes, T. (1998), *Tourism and Modernity in China*, Routledge, London & New York.
33. Schein, L. (2000) *Minority Rules. The Miao and the Feminine in China’s Cultural Politics*. Duke University Press, Durham & London.
34. Smith, V. (ed., 1977), *Hosts and guests: The anthropology of tourism*, Philadelphia: University of Pennsylvania Press.
35. Sofield, Trevor H. B. (2001), “Globalization, Tourism and Culture in Southeast Asia”, in: Peggy Teo, T. C. Chang and K. C. Ho (eds), *Interconnected Worlds: Tourism in Southeast Asia*, Oxford: Elsevier Science, Pergamon, 103–120.
36. Trần Hữu Sơn (2006), “Ảnh hưởng của du lịch đến một số thiết chế xã hội của người Hmông ở Sa Pa”, trong: *Kỷ yếu Hội nghị thông báo Dân tộc học*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
37. Trần Hữu Sơn (2015), “Văn hóa người Thái với vấn đề phát triển du lịch cộng đồng vùng Tây Bắc”, trong: *Cộng đồng Thái-Kadai Việt Nam những vấn đề phát triển bền vững*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
38. Stronza, Amanda (2001), “Anthropology of Tourism: Forging New Ground for Ecotourism and Other Alternatives”, *Annual Review of Anthropology*, No 30, 261-283.
39. Nguyễn Công Thảo (2019), “Một mô hình, nhiều con đường: Bài học từ hoạt động du lịch cộng đồng ở huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 23-34
40. Nguyễn Công Thảo (2020), “Trở ngại hay nguồn lực: Hai cách nhìn về phát triển du lịch cộng đồng của người Chăm ở An Giang”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1, tr. 59-67
41. Phạm Thị Cẩm Vân (2019), Cơ sở khoa học cho phát triển du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng huyện miền núi Mộc Châu tỉnh Sơn La, *Luận án Tiến sĩ*, Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.
42. Wood, R. E. (1997), “Tourism and the State: Ethnic Options and Constructions of Otherness”, in: *Tourism, Ethnicity, and the State in Asian and Pacific Societies*, M Picard & RE Wood (Eds.), University of Hawai’i Press, Honolulu, 1-34.